

TÁI CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC TỪ GÓC NHÌN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

TS. Trần Hữu Nam
Văn phòng Chủ tịch nước

Tái cấu trúc doanh nghiệp nhà nước (DNNN) mà trọng tâm là các tập đoàn, tổng công ty nhà nước được xác định là một trong 3 lĩnh vực quan trọng để thực hiện thành công quá trình tái cơ cấu nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng đã được đặt ra. Tuy nhiên, tái cấu trúc DNNN sẽ bao hàm nhiều nội dung hết sức phong phú và đa dạng, trong đó có sự phân vai thực hiện quyết liệt của cả hệ thống chính trị mà trước hết là của hai chủ thể chính là Nhà nước và doanh nghiệp. Bài viết này đề cập một số nội dung liên quan đến vai trò của nhà nước trong quá trình tái cơ cấu DNNN ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: doanh nghiệp nhà nước, tái cấu trúc, mô hình tăng trưởng

Khi đất nước đang phải đối mặt với những khó khăn, thách thức như hiện nay thì việc đặt DNNN vào trung tâm của sự phát triển không còn là ý muốn chủ quan mà là đòi hỏi khách quan của sự phát triển. Phát biểu bế mạc Hội nghị lần thứ III của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nhấn mạnh: “...trong năm 2012 và những năm tiếp theo, Việt Nam sẽ ưu tiên hàng đầu cho kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô và đảm bảo an sinh xã hội gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, tái cơ cấu lại nền kinh tế, tập trung vào 3 lĩnh vực quan trọng nhất: tái cấu trúc đầu tư với trọng tâm là đầu tư công; cơ cấu lại thị trường tài chính với trọng tâm là tái cấu trúc hệ thống ngân hàng thương mại; tái cấu trúc DNNN mà trọng tâm là các tập đoàn và tổng công ty nhà nước”. Như vậy, tái cấu trúc DNNN mà trọng tâm là các tập đoàn và tổng công ty nhà nước được coi là một trong 3 lĩnh vực quan trọng nhất để thực hiện thành công quá trình tái cơ cấu nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng đã được đặt ra.

Trên thực tế, quá trình đổi mới, phát triển DNNN ở Việt Nam được khởi đầu từ chủ trương buộc giải thể, cho thuê, sáp nhập một số DNNN hoạt động kém hiệu quả được tiến hành từ những năm đầu của thập niên 1990; cổ phần hoá một bộ phận của DNNN được thực hiện từ năm 1993 và được thực hiện quyết liệt trên phạm vi rộng từ năm 1996;

thành lập các tổng công ty 90 và 91 vào năm 1994; ban hành Luật Doanh nghiệp nhà nước năm 1995 và được thay thế bằng Luật Doanh nghiệp năm 2003; thí điểm tổ chức tập đoàn kinh tế nhà nước năm 2005; chuyển các công ty nhà nước thành các công ty TNHH nhà nước một thành viên từ ngày 01/7/2010 sau khi luật DNNN hết hiệu lực. Đến nay, khu vực DNNN đã có những thay đổi quan trọng theo hướng giảm nhanh về số lượng, từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động và giảm đáng kể các doanh nghiệp bị thua lỗ. Các tổng công ty, tập đoàn kinh tế đã tập trung hoạt động nhiều hơn vào các ngành, lĩnh vực then chốt, giữ được vai trò nòng cốt trong nền kinh tế và cơ bản đáp ứng được yêu cầu thiết yếu cho quốc phòng, an ninh và nhiều sản phẩm, dịch vụ công ích. Đây vừa là lực lượng quan trọng của thị trường trong nước, vừa là lực lượng chủ lực trong hội nhập kinh tế quốc tế, vươn ra thị trường thế giới, góp phần chủ yếu để kinh tế nhà nước thực hiện vai trò chủ đạo nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Theo số liệu thống kê¹, đến tháng 11/2011, cả nước còn 1309 DN là công ty TNHHNN một thành viên, 1217 doanh nghiệp do Nhà nước giữ cổ phần chi phối, 1558 doanh nghiệp Nhà nước nắm giữ cổ phần ở mức thấp. Các doanh nghiệp này hiện nắm giữ² 1.760 ngàn tỷ đồng tổng tài sản, 70% vốn đầu tư toàn xã hội, 50% vốn đầu tư nhà nước, 60% tín dụng của các ngân hàng thương mại, 70% vốn ODA, hàng năm đóng góp khoảng

35% GDP của cả nước, tạo ra 39,5% giá trị sản lượng công nghiệp, trên 50% kim ngạch xuất khẩu và 28,8% tổng thu nội địa (không kể thu từ dầu thô và thuế xuất nhập khẩu). Mặc dù nhận được nhiều ưu ái của Nhà nước về vốn, đất đai và các cơ chế đặc thù khác nhưng hiệu quả hoạt động của khối doanh nghiệp này lại chưa tương xứng với những đặc quyền mà Nhà nước đã dành cho họ. Có thể được khái quát ở những điểm sau:

- Khu vực DNNN mà trọng tâm là các tập đoàn, tổng công ty nhà nước còn nhiều hạn chế trong việc thực hiện vai trò “điều tiết vĩ mô nền kinh tế”, chưa thực hiện được vai trò dẫn hướng, mở đường cho doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác phát triển; chưa hoàn thành chức năng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và giải quyết các vấn đề xã hội. Vẫn còn nhiều DNNN hoạt động trong những lĩnh vực, ngành nghề mà Nhà nước không cần chi phối như dịch vụ xây dựng, du lịch, thương mại, chế biến chè... một số lĩnh vực quan trọng do DNNN giữ thị phần lớn nhưng lại chưa đáp ứng được yêu cầu của nền kinh tế như điện lực, hàng không... một số ngành, lĩnh vực mà các thành phần kinh tế khác có thể tham gia nhưng DNNN vẫn giữ thị phần lớn, tạo ra thế độc quyền của DNNN như xăng dầu, sắt thép, xi măng. Trong khi đó, một số lĩnh vực mà kinh tế tư nhân không muốn tham gia nhưng DNNN vẫn chưa làm hoặc làm chưa hiệu quả dẫn đến bị chi phối bởi sản phẩm đến từ nước ngoài như sản xuất giống, cây trồng, vật nuôi... Theo số liệu của Ban chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp³, cả nước hiện có 1309 DNNN đang hoạt động, trong đó có 248 doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, 114 doanh nghiệp xây dựng, 135 doanh nghiệp giao thông vận tải, 341 công ty nông, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy nông và 471 doanh nghiệp thương mại, dịch vụ, du lịch.

- Đóng góp của DNNN cho nền kinh tế chưa tương xứng với những ưu đãi được hưởng, nguồn lực được sử dụng; hiệu quả sản xuất, kinh doanh thấp, thậm chí còn nhiều doanh nghiệp bị thua lỗ, không bảo toàn được vốn. Theo số liệu của Tổng cục thống kê, năm 2009, DNNN phải sử dụng tới 2,2 đồng vốn để tạo ra một đồng doanh thu, trong khi đó doanh nghiệp ngoài quốc doanh chỉ cần 1,2 đồng vốn và doanh nghiệp FDI là 1,3 đồng; năm 2010 tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu của các

tập đoàn kinh tế chỉ ở mức 16,5%, tương ứng với chi phí vay vốn trung bình của các tổ chức tín dụng cùng năm. Theo báo cáo của Chính phủ gửi Quốc hội ngày 23/11/2011⁴, tổng dư nợ phải trả của các tập đoàn, tổng công ty nhà nước đến hết năm 2010 là 1.088.290 tỷ đồng, bình quân bằng 1,67 lần vốn chủ sở hữu; có đến 30/85 tập đoàn, tổng công ty có tỷ lệ nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu trên 3 lần, đặc biệt có 7 tập đoàn, tổng công ty có tỷ lệ trên 10 lần (Tổng công ty xây dựng công nghiệp, TCT Xây dựng giao thông I, TCT Xây dựng giao thông 5, TCT Xây dựng giao thông 8, TCT Xăng dầu Quân đội, TCT Thành An, TCT phát triển đường cao tốc), 09 tổng công ty từ 5 – 10 lần, 14 tổng công ty từ 3– 5 lần. Một số tập đoàn, tổng công ty nhà nước có số lỗ lớn⁵ như: Tập đoàn Điện lực Việt Nam (năm 2010 là 12.313 tỷ đồng), Tổng công ty Bưu chính Việt Nam (năm 2009 theo kết luận của kiểm toán là 1.026 tỷ đồng) và một số tổng công ty khác như Tổng công ty XDCTGT 1, Tổng công ty XDCT đường thủy, Tổng công ty chè Việt Nam, Tổng công ty xăng dầu Quân đội, Tổng công ty 15 Bộ Quốc phòng, Tổng công ty công nghiệp Sài Gòn, đưa tổng lỗ lũy kế đến 31/12/2011 của các tập đoàn, tổng công ty nhà nước lên con số 26.110 tỷ đồng.

- Sức cạnh tranh của DNNN chưa tương xứng với nguồn lực được hưởng, ưu thế hiện có và chưa đáp ứng yêu cầu của hội nhập kinh tế quốc tế. Quy mô về vốn và trình độ công nghệ của đa số DNNN vẫn ở mức thấp so với các nước trong khu vực, không đồng đều và chậm được đổi mới; chưa nổi bật về chất lượng, năng suất lao động và hiệu quả hoạt động. Theo báo cáo của Ban chỉ đạo đổi mới và phát triển doanh nghiệp⁶, trong số 1.101 DNNN có báo cáo đến tháng 11/2011, có tới 102 DN có vốn dưới 5 tỷ đồng, trong đó có 8 DN có vốn dưới 1 tỷ đồng. Tình trạng lãng phí, thất thoát nguồn lực diễn ra khá phổ biến dưới nhiều hình thức đã làm cho chi phí trong một đơn vị sản phẩm, dịch vụ tăng cao, làm giảm hiệu quả và năng lực cạnh tranh của DNNN. Cơ cấu mặt hàng xuất khẩu còn chưa hợp lý trên cả 3 phương diện: đơn điệu về chủng loại, giá trị gia tăng thấp và cơ cấu theo hướng công nghiệp hóa diễn ra còn chậm (chủ yếu là mặt hàng chưa qua chế biến như dầu thô, than đá, nông lâm, thủy, hải sản). Một số vụ việc tiêu cực, thậm chí vi phạm pháp luật nghiêm trọng ở DNNN gây hậu quả không nhỏ về

kinh tế, ảnh hưởng xấu đến uy tín của khu vực DN này như Vinashine, điện lực,...

- Cơ chế quản lý, lè lỏi làm việc, tính công khai minh bạch chuyển biến chậm. Thể chế về thành lập doanh nghiệp, về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn, về ngành nghề kinh doanh của DNNN nói chung và của tập đoàn, tổng công ty nhà nước nói riêng chậm được ban hành, còn bất cập, nhiều sơ hở, không đáp ứng được yêu cầu quản lý. Việc thí điểm chuyển tổng công ty nhà nước sang hoạt động theo mô hình tập đoàn kinh tế đã bộc lộ nhiều bất cập như đầu tư dàn trải theo hướng đa ngành, số lượng các thành viên gia tăng không tương xứng với năng lực quản lý;... việc chuyển DNNN thành công ty TNHH một thành viên chưa thực sự đổi mới về cơ chế quản lý, hạn chế khả năng huy động vốn dẫn đến khó nâng cao sức cạnh tranh và hiệu quả của doanh nghiệp chuyển đổi; việc doanh nghiệp SCIC tiếp nhận các DN hoạt động trong nhiều ngành, lĩnh vực nên việc quản lý khó đạt hiệu quả cao. Theo số liệu của Ban Chỉ đạo, đổi mới và Phát triển doanh nghiệp⁷, đến tháng 10/2011, SCIC đã tiếp nhận quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại 933 doanh nghiệp, trong đó có 29 công ty TNHH một thành viên, 904 công ty cổ phần với tổng giá trị vốn nhà nước theo sổ sách kế toán là 7.447 tỷ đồng. Tuy nhiên, các DN chuyển về SCIC làm chủ đại diện đa số là các DN nghiệp có quy mô nhỏ, có đến 85% là DN có vốn điều lệ dưới 10 tỷ đồng. Việc thoái vốn nhà nước ở các DN cổ phần diễn ra còn chậm, việc cử người làm đại diện phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp cổ phần chủ yếu vẫn là cán bộ cũ tại các DN cổ phần hoá. Việc quản lý, giám sát và thực hiện quyền, nghĩa vụ chủ sở hữu vốn nhà nước đầu tư tại các DN còn lúng túng, bất cập.

Phân tích thực trạng hoạt động của các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước như trên, chúng ta có thể rút ra các nguyên nhân chủ yếu sau đây:

- Xuất phát từ mục tiêu tăng trưởng nhanh về kinh tế, các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước đã huy động quá nhiều vốn để thực hiện đa dạng hoá ngành nghề kinh doanh (đầu tư theo chiều rộng) kể cả những ngành, lĩnh vực có độ rủi ro cao như tín dụng, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, bất động sản;... thành lập nhiều công ty con, công ty liên kết hoạt động đan xen lẫn nhau trong khi năng lực quản

lý và khả năng tài chính có hạn dẫn đến tình trạng phân tán nguồn lực, buông lỏng lĩnh vực kinh doanh chính, đồng thời là mảnh đất nuôi dưỡng lợi ích nhóm, tham nhũng, lãng phí rất nghiêm trọng.

- Khu vực DNNN mà trọng tâm là các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước chưa thực sự được vận hành theo cơ chế thị trường, cạnh tranh thiếu bình đẳng với doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác. Một mặt, DNNN được bao cấp, ưu đãi dưới nhiều hình thức như tiền vốn, khai thác các nguồn tài nguyên, sử dụng đất đai, ưu đãi về tín dụng... Mặt khác, khu vực doanh nghiệp này vẫn chưa thực sự có quyền tự chủ trong hoạt động sản xuất kinh doanh, chưa được quyết định nhiều vấn đề lớn liên quan đến định hướng, chiến lược phát triển, tiền lương, thu nhập khi chưa được sự chấp thuận của các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan... Tất cả điều đó đã hạn chế tính chủ động và tự chịu trách nhiệm của DNNN, tạo thói quen trong việc tìm chỗ dựa và chia quyền lợi trong từng bước đi của DN.

- Sự chưa rõ ràng trong thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kinh tế dẫn đến tình trạng quản lý nhà nước và thực hiện quyền của chủ sở hữu vốn nhà nước tại DNNN còn rất lúng túng, nhiều bất cập. Cơ quan thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu không rõ ràng, bị phân tán giữa nhiều cơ quan (bộ chuyên ngành, chính quyền các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Tổng công ty quản lý, đầu tư vốn nhà nước) làm cho việc quản lý, giám sát, thanh tra và định hướng hoạt động đối với khu vực doanh nghiệp này không hiệu quả, thiếu công bằng. Theo số liệu thống kê, trong số 1309 DNNN hiện nay, có 701 doanh nghiệp do địa phương quản lý, 355 doanh nghiệp do cấp bộ quản lý và 253 doanh nghiệp thuộc tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước. Việc ủy quyền đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp cho hội đồng thành viên hoặc ủy viên hội đồng quản trị trong khi cơ chế quản lý, chế độ trách nhiệm, chế tài xử lý vi phạm đối với người được cử làm đại diện phần vốn góp không rõ ràng, không được hưởng lợi ích từ kết quả hoạt động của doanh nghiệp, dẫn đến xu hướng ra những quyết định phục vụ cho lợi ích của mình nhiều hơn là phục vụ lợi ích của doanh nghiệp, của chủ sở hữu. Trong điều kiện pháp luật, cơ chế chính sách chưa đồng bộ như hiện nay thì đây chính là nguyên nhân dẫn đến tình trạng “tư nhân hóa lợi nhuận, xã hội hóa tổn

thất” như đã từng xảy ra, gây thiệt hại cho nền kinh tế, cho đất nước.

- Việc tồn tại tình trạng độc quyền doanh nghiệp trong một số lĩnh vực làm cho DNNN thoát khỏi sức ép cạnh tranh, tạo ra sức ỳ lớn dẫn đến tình trạng thiếu sức đề kháng với cơ chế thị trường và quá trình hội nhập kinh tế quốc tế; chậm đổi mới và hiệu quả hoạt động thấp. Có thể ví dụ⁸: Tổng công ty Thép Việt Nam chiếm 35% thị phần trong nước, Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam chiếm trên 50%, Tổng công ty Xăng dầu chiếm trên 60%, Tập đoàn Điện lực sản xuất và cung ứng 80% nhu cầu tiêu thụ điện toàn xã hội, Tập đoàn Công nghiệp Than chiếm 98% thị phần cả nước...

- Cơ chế, chính sách và quy chế cho hoạt động của DNNN, đặc biệt là đối với các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước còn nhiều yếu kém, thiếu minh bạch, thậm chí còn nhiều khe hở, chông chéo, gây khó khăn cho hoạt động kiểm tra, giám sát và định hướng của các cơ quan chức năng. Việc phân công, phân cấp thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với các DNNN trong quản lý, kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước tại các DNNN còn chưa đủ rõ, phân tán, chông chéo và chưa có đầu mối chịu trách nhiệm chính; chế tài xử lý chưa có tác dụng cảnh báo, ngăn ngừa những vi phạm trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại các DNNN.

Để quá trình tái cấu trúc DNNN thực sự nâng cao hiệu quả hoạt động của DNNN mà trước tiên là của các tập đoàn và tổng công ty nhà nước, cần tập trung thực hiện thành công một số giải pháp sau đây:

1. Tiếp tục đổi mới luật pháp, cơ chế chính sách theo hướng đặt DNNN vào môi trường hợp tác và cạnh tranh bình đẳng với các doanh nghiệp khác; thu hẹp tối đa ngành nghề, lĩnh vực nhà nước độc quyền kinh doanh; xoá bỏ độc quyền kinh doanh của DN, không biến độc quyền nhà nước thành độc quyền của doanh nghiệp, đồng thời có cơ chế giám sát chặt chẽ đối với những DN chưa xoá được độc quyền trong kinh doanh, tạo cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế quyền bình đẳng trong tiếp cận các yếu tố đầu vào và cơ hội kinh doanh. Nhà nước chỉ dành ưu đãi theo ngành, lĩnh vực, sản phẩm cần khuyến khích, hỗ trợ phát triển, không ưu đãi cho doanh nghiệp theo thành phần kinh tế. Mặt

khác, phải tạo cho DNNN quyền tự chủ đầy đủ trong sản xuất kinh doanh, trong bổ nhiệm, bố trí sử dụng cán bộ; gắn quyền lợi, trách nhiệm của những người đứng đầu DNNN với kết quả hoạt động của doanh nghiệp và thật sự đặt các DNNN vào hoạt động theo cơ chế thị trường.

2. Giảm tối đa sự can thiệp hành chính vào hoạt động của thị trường và doanh nghiệp bằng việc xây dựng và ban hành Luật đầu tư công hoặc Luật quản lý vốn nhà nước để tạo cơ sở pháp lý cần thiết điều chỉnh bằng luật đối với các hoạt động đầu tư công, trong đó có hoạt động đầu tư của các DNNN. Phân định rõ chức năng quản lý hành chính nhà nước với chức năng chủ sở hữu vốn nhà nước trong các DNNN, không giao cho các bộ (kể cả Bộ Tài chính) vừa có chức năng quản lý nhà nước toàn ngành, vừa là đại diện chủ sở hữu, là cơ quan chủ quản đối với các doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước nhà nước. Đây cũng là cuộc đấu tranh không kém phần gay gắt, không chỉ giữa tư duy cũ với tư duy đổi mới, mà còn giữa những quyền lợi bị đụng chạm từ nhiều phía khác nhau nếu không giải quyết kịp thời thì quá trình tái cấu trúc DNNN vẫn còn bất cập.

3. Cần khẩn trương xác định các tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước để làm cơ sở cho việc kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của DNNN theo các tiêu chí cụ thể và theo quy định của pháp luật. Việc tổ chức sản xuất kinh doanh đa ngành, đa lĩnh vực cần được điều chỉnh ngay theo hướng vừa tránh rủi ro trong kinh doanh, vừa tạo được ngành nghề kinh doanh chủ đạo, loại bỏ được tư duy sản xuất khép kín, trái với xu thế phân công và hợp tác sản xuất trong quá trình toàn cầu hoá, phù hợp với nguyên lý quản trị là sản xuất kinh doanh càng khép kín thì hiệu quả càng thấp, khả năng kết nối với mạng lưới sản xuất toàn cầu càng giảm, sức cạnh tranh sẽ giảm dần theo thời gian. Đã đến lúc Nhà nước cần ban hành các hướng dẫn mang tính chuẩn mực làm cơ sở cho doanh nghiệp phấn đấu, đồng thời đảm bảo tính thống nhất, sự ngất quán trong đánh giá, giám sát, thanh tra và kiểm tra hiệu quả hoạt động của DNNN.

Nâng cao chất lượng công tác quản trị nội bộ DNNN bằng việc ban hành các quy định khung cho

một hệ thống quản trị doanh nghiệp hiện đại. Để có được mô hình quản trị doanh nghiệp tiên tiến, phù hợp với thông lệ quốc tế trong hội nhập, Nhà nước cần ban hành các hướng dẫn mang tính chuẩn mực và buộc các doanh nghiệp phải thực hiện. Trong đó có việc ban hành điều lệ mẫu cho doanh nghiệp theo hướng tiếp cận quản trị doanh nghiệp hiện đại, các mẫu quy chế quản trị nội bộ doanh nghiệp để đảm bảo tính minh bạch như quy chế tài chính, quy chế điều hành, quy chế phân phối tiền lương, quy chế quản lý tiền tệ, đầu tư, mua sắm trang, thiết bị... Việc ban hành các quy chế mẫu này là hết sức cần thiết để các DNNN hoạt động theo chuẩn mực của Nhà nước.

Nâng cao năng lực, quyền hạn, trách nhiệm và tính chuyên nghiệp cho cơ quan đại diện chủ sở hữu bằng việc ban hành cơ chế hoạt động và lựa chọn người đại diện vốn nhà nước tại các công ty có vốn nhà nước. Hoàn thiện cơ chế người đại diện trên cơ sở làm rõ địa vị pháp lý, mối quan hệ với cơ quan quản lý vốn, cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan quản lý nhân sự đối với đội ngũ cán bộ này. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế đào tạo, trong đó đặc biệt chú trọng đến tiêu chuẩn đào tạo, kinh nghiệm, tầm nhìn chiến lược, năng lực quản trị, đạo đức... và xây dựng hệ tiêu chí đánh giá hiệu quả quản lý để làm căn cứ cho việc tuyển chọn, giám sát, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ quản lý doanh nghiệp.

Tiếp tục đẩy mạnh cổ phần hoá, kể cả CPH toàn

1. Số liệu của Ban chỉ đạo đổi mới và phát triển DN.
2. Số liệu của Bộ tài chính báo cáo tại phiên họp của Chính phủ tháng 12/2011.
3. Số liệu của Ban Chỉ đạo đổi mới và Phát triển doanh nghiệp phục vụ phiên họp Chính phủ kỳ họp tháng 11/2011.
4. Báo cáo số 262/BC- CP ngày 23/11/2011.
5. Báo cáo của Bộ Tài chính tại kỳ họp Chính phủ tháng 12/2011.
6. Tài liệu họp Chính phủ tháng 11/2011.
7. Phương án tổng thể tái cơ cấu DNNN giai đoạn 2011- 2015 của Ban chỉ đạo đổi mới và phát triển DN.
8. Số liệu do Bộ Tài chính cung cấp.

Tài liệu tham khảo:

1. Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XI.
2. Tài liệu phục vụ phiên họp Chính phủ tháng 11/2011 của Ban chỉ đạo đổi mới và phát triển doanh nghiệp.
3. Tài liệu phục vụ phiên họp Chính phủ tháng 12/2011 của Bộ Tài chính.
4. Báo cáo số 262/BC-CP ngày 23 tháng 11/2011 Chính phủ.
5. Tài liệu hội thảo “Tái cấu trúc DNNN” do Bộ Tài chính tổ chức ngày 15/11/2001 tại Hà Nội.

tổng công ty, thu hẹp tỷ trọng và giảm số lượng DN do Nhà nước giữ cổ phần chi phối, chỉ duy trì DN 100% vốn nhà nước trong những ngành, lĩnh vực mà nhà nước cần độc quyền, giữ vị trí then chốt của nền kinh tế và các lĩnh vực mà khu vực kinh tế tư nhân không hoặc chưa muốn, chưa có khả năng tham gia. Trước mắt cần tập trung sửa đổi ngay những quy định không phù hợp liên quan đến xác định giá trị DN, chọn đối tác chiến lược, bán cổ phần ưu đãi cho người lao động... Tuy nhiên, việc CPH đồng loạt nhiều doanh nghiệp có quy mô lớn, trong một thời gian ngắn sẽ bị hạn chế bởi quy mô thị trường vốn trong nước. Nên chăng cần có giải pháp chào bán thí điểm ở một số thị trường lớn trên thế giới như kinh nghiệm của Trung Quốc và nhiều quốc gia đang phát triển đã thực hiện thành công, không làm thất thoát tài sản của Nhà nước thông qua CPH.

DNNN mà trọng tâm là các tập đoàn, tổng công ty nhà nước giữ vị trí then chốt trong nền kinh tế, làm công cụ vật chất quan trọng để nhà nước điều tiết vĩ mô, góp phần chủ đạo nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, chiếm lĩnh thị trường trong nước, vươn ra thị trường quốc tế. Muốn vậy, phải coi DNNN như một thành phần quan trọng của kinh tế nhà nước và thực hiện tái cơ cấu các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước một cách toàn diện, triệt để như Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba của Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XI đã đề ra. □